

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QHCC-TT

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN			
Mã học phần:	71ACCT20022	Số tín chỉ:	2	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71ACCT20022_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có		☒ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...)
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Áp dụng kiến thức về kế toán, tài chính và thống kê để xác định, phân tích và tính toán các chi phí, ngân sách cho các dự án và hoạt động truyền thông đa phương tiện, đảm bảo tính hiệu quả và khả thi trong sử dụng nguồn lực tài chính.	Trắc nghiệm	20%	2	2	PI 3.1
CLO 2	Phân tích và đánh giá tính hợp lý, hiệu quả của các giải pháp thiết kế, sản xuất ấn phẩm và phương án triển khai hoạt động truyền thông đa phương tiện dựa trên việc áp dụng các nguyên tắc và	Trắc nghiệm, Tự luận	40%	1,2	4	PI 5.2

	phương pháp kế toán, từ đó đề xuất các biện pháp tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả tài chính.					
CLO 5	Tuân thủ các quy định pháp luật, chuẩn mực kế toán và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành kế toán, đảm bảo tính trung thực, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính của tổ chức.	Tự luận	40%	1	4	PI 6.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Đề bài: Cho thông tin về Bảng cân đối kế toán và Báo cáo thu nhập trích ngang của Công ty cổ phần ABC. Sử dụng dữ kiện này để trả lời các câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm từ 11 – 20. Thông tin như sau

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN							
ĐVT: triệu đồng							
TÀI SẢN		2023	2022	NGUỒN VỐN		2023	2022
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)
Tài sản ngắn hạn		761	707	Nợ ngắn hạn		486	455
aaa	Tiền mặt	140	zzz	331	Trả người bán	213	197
131	Phải thu KH	294	270	311	Vay ngắn hạn	50	53
155	Hàng tồn kho	269	280	131	Tạm ứng tiền hàng	223	205
128	Chứng khoán đáo hạn	58	50	Nợ dài hạn		588	562
Tài sản dài hạn		1118	1035	347	Thuế hoãn lại	117	104
211	Nhà xưởng, máy móc	1423	1274	341	Nợ dài hạn	471	458
214	Khấu hao lũy kế	550	460	Vốn CSH			725
213	Tài sản vô hình	245	221	411	Cổ phần thường	xxx	725
Tổng tài sản		1879	1742	Tổng nguồn vốn		yyy	1742

BÁO CÁO THU NHẬP			
ĐVT: triệu đồng			
Khoản mục		2023	2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2262	2120
Giá vốn		1655	1505
<i>Chi phí bán hàng, chi phí quản lý chung*</i>		327	318
Khấu hao TSCĐ		90	90
Doanh thu khác		29	27
Chi phí tài chính		49	49
Thu nhập trước thuế		170	185
Thuế hiện hành		34	37
Lợi nhuận ròng		136	148
<i>Bổ sung lợi nhuận giữ lại</i>		68	74
<i>Cổ tức</i>		68	74
*Thuyết minh			
- Chi nhân viên bán hàng trực tiếp		65.4	63.6
- Chi nhân viên văn phòng		65.4	63.6
- Chi phí bao bì, đóng gói		32.7	31.8
- Chi phí đồ dùng văn phòng		32.7	31.8
- Chi phí mua ngoài các dịch vụ		32.7	31.8
- Chi phí khác		98.1	95.4

Câu hỏi tự luận

Câu 1: Dự kiến trong năm 2024, doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty có thể tăng 10% so với năm 2023. Giả sử mọi điều kiện kinh doanh và thị trường không có nhiều thay đổi. Với vai trò là Trưởng phòng MKT-TT của doanh nghiệp, hãy bình luận về khoảng ngân sách mà công ty có thể dành cho các dự án MKT-TT trong năm 2024, giải thích (2đ)

Câu 2: Trong năm 2024, giả sử phát sinh các nghiệp vụ kế toán như sau

1. Công ty bán được 14.900 sản phẩm, giá mỗi sản là 10.000đ. Trong đó, thu tiền mặt 10,000 sản phẩm, còn lại khách hàng đang nợ
2. Công ty được chi trả các trái phiếu đến hạn bằng tiền mặt;
3. Công ty mua máy móc, thiết bị trị giá 113 triệu bằng tiền mặt;
4. Công ty dùng tiền mặt để trả 50% nợ vay ngắn hạn và đóng thuế
5. Công ty phát hành lô trái phiếu 600 triệu đồng để thanh toán 1/2 nợ dài hạn số còn lại đầu tư mua nhà xưởng máy móc.

Yêu cầu 1: hãy định khoản các nghiệp vụ kế toán trên (1đ)

Yêu cầu 2: Vẽ sơ đồ chữ T tài khoản tiền mặt (1đ)

Yêu cầu 3: Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ (1đ)

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1. Các thành phần của báo cáo tài chính là

- A. Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- B. Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập
- C. Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- D. Các đáp án trên đều sai

ANSWER: D

Câu 2. Có thể tìm kiếm thông tin về tổng nợ, tổng vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của công ty tại

- A. Báo cáo thu nhập
- B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- C. Bảng cân đối kế toán
- D. Tất cả đáp án trên đều đúng

ANSWER: C

Câu 3. Ghi sổ kép là

- A. Là việc ghi sổ 2 lần cho một giao dịch để tránh sai sót
- B. Là việc 2 nhân viên kế toán cùng ghi sổ để đối chiếu, so sánh
- C. Là việc một giao dịch phải được ghi vào ít nhất 2 tài khoản kế toán
- D. Là việc công ty luôn có 2 sổ kế toán

ANSWER: C

Câu 4. Định khoản là gì

- A. Là việc xác định các tài khoản kế toán liên quan đến giao dịch
- B. Là việc xác định sự biến động (nợ/có) của các tài khoản kế toán liên quan đến giao dịch
- C. Kết hợp hai đáp án trên là câu trả lời đúng
- D. Tất cả các phương án trên đều sai

ANSWER: C

Câu 5. Để có ngân sách tài trợ cho dự án truyền thông, các công ty thường

- A. Phát hành thêm cổ phần
- B. Phát hành trái phiếu dài hạn (vay nợ)
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng
- D. Tất cả đáp án trên đều sai

ANSWER: C

Câu 6. Phát biểu nào sau đây là đúng về đo lường hiệu quả dự án truyền thông

- A. Các dự án truyền thông không thể đo lường hiệu quả vì mang tính định tính
- B. Các dự án truyền thông chỉ có thể đo lường hiệu quả theo phương pháp định tính
- C. Các chỉ số ROI, NPV và IRR có thể được áp dụng để đo lường hiệu quả dự án truyền thông
- D. Tất cả đáp án trên đều sai

ANSWER: C

Câu 7. Mối quan hệ giữa nhân viên truyền thông và nhân viên kế toán trong doanh nghiệp là

- A. Mối quan hệ cấp trên cấp dưới trong cùng một phòng ban

- B. Mọi quan hệ đồng nghiệp, khác chức năng và cùng thực hiện công việc vì mục tiêu chung của doanh nghiệp
- C. Không có mối liên hệ
- D. Tất cả đáp án trên đều sai

ANSWER: B

Câu 8. Phát biểu nào sau đây là đúng về thuế thu nhập cá nhân

- A. KOLs, KOC không phải chịu thuế thu nhập cá nhân
- B. Thuế thu nhập cá nhân chỉ đánh vào hoạt động kinh doanh
- C. Người sáng tạo tác phẩm (tác giả) có thu nhập từ tiền bản quyền được miễn thuế thu nhập cá nhân
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai

ANSWER: D

Câu 9. Điều kiện về chứng từ để một khoản chi được thanh quyết toán

- A. Chi phí phải được phê duyệt hoặc đã có kế hoạch
- B. Chi phí phải hợp lý, hợp lệ. Có hợp đồng cung cấp hàng hoá dịch vụ hoặc chứng từ chứng minh cho việc mua bán
- C. Phải có đầy đủ hoá đơn, hoá đơn phải hợp pháp
- D. Tất cả đáp án trên

ANSWER: D

Câu 10. Nghiệp vụ: “Mua nhập kho hàng hóa, chưa thanh toán tiền cho người bán” sẽ làm cho tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp thay đổi:

- A. Tài sản tăng, nguồn vốn giảm
- B. Tài sản tăng, nguồn vốn tăng
- C. Tài sản tăng, nợ phải trả tăng
- D. Không đáp án nào đúng

ANSWER: B

Câu 11. Giá trị tiền mặt trên Bảng cân đối kế toán năm 2022 của Công ty ABC là:

- A. 120
- B. 130
- C. 140
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: D

Câu 12. Giá trị cổ phần thường của Công ty ABC trên bảng cân đối kế toán năm 2023 là

- A. 805
- B. 1879
- C. 725
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 13. Tổng nguồn vốn của Công ty ABC trong năm 2023 là

- A. 1879
- B. 1742

- C. Cả hai đều đúng
- D. Không đáp án nào đúng

ANSWER: A

Câu 14. Công ty ABC đang bị áp mức thuế suất thuế TNDN năm 2023 là bao nhiêu %

- A. 10%
- B. 15%
- C. 8%
- D. 20%

ANSWER: D

Câu 15. Tỷ số thanh toán hiện hành của công ty ABC năm 2023 là

- A. 1.566
- B. 2.232
- C. 0.576
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 16. Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần của công ty ABC năm 2023 là

- A. 7.51%
- B. 2.25%
- C. 17.78%
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: C

Câu 17. Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản của công ty ABC năm 2023 là

- A. 7.51%
- B. 2.25%
- C. 17.78%
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 18. Cột (a) và cột (e) trong bảng báo cáo thu nhập của công ty ABC được gọi là

- A. Tên tài khoản
- B. Số tài khoản
- C. Số hiệu tài khoản cấp 1
- D. Số hiệu tài khoản cấp 2

ANSWER: C

Câu 19. Nhận định nào sau đây là đúng

- A. Năm 2023, công ty ABC phải chi tiền ra để trả chi phí khấu hao 90 triệu đồng
- B. Năm 2022, công ty ABC phải chi tiền ra để trả chi phí khấu hao 90 triệu đồng
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng
- D. Không có đáp án nào đúng

ANSWER: D

Câu 20. Cột (a) trong bản cân đối kế toán ở trên có “aaa” là

- A. 111

B. 112

C. 113

D. 114

ANSWER: A

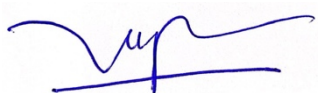
ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận		5.0	
Câu 1:	- Công ty dự kiến tăng 10% doanh thu tương đương doanh thu năm 2024 là: $= 10\% * 2262 = 2488.2 \text{ (triệu đồng)}$ (0.25đ) - Phần ngân sách chi cho các hoạt động quảng cáo, marketing và truyền thông của doanh nghiệp hàng năm là một phần của chi phí bán hàng, chi phí quản lý chung. Cụ thể, trong thuyết minh báo cáo tài chính có thể tìm thấy tại phần “chi phí khác”. (0.75đ) - Phần chi phí này những năm 2022,2023 chiếm tỷ trọng so với doanh thu lần lượt là: 4.5% và 4.34% (0.25đ) - Có thể suy ra, trong điều kiện bình thường, chi phí cho hoạt động Marketing và Truyền thông trong năm không thể lớn hơn 5% doanh thu. Con số ước tính hợp lý là $5\% * 2488.2 = 124.41$ (triệu đồng) hoặc tương đương (0.75đ)	2.0	
Câu 2	- Yêu cầu 1: Định khoản các giao dịch phát sinh (mỗi định khoản 0.2đ) 1. Công ty bán được 14.900 sản phẩm, giá mỗi sản phẩm là 10.000đ. Trong đó, thu tiền mặt 10,000 sản phẩm, còn lại khách hàng đang nợ Giá trị đơn hàng là: $14.900 * 10.000đ = 149.000.000đ$ • Hàng tồn kho giảm 149.000.000 => ghi CÓ TK 155 • Tiền mặt tăng 100.000.000 => ghi NỢ TK 111 • Phải thu KH tăng 49.000.000 => ghi NỢ TK 131	3.0	

	2. Công ty được chi trả các trái phiếu đến hạn bằng tiền mặt; • Ck đáo hạn giảm 58.000.000 => ghi CÓ TK 128 • Tiền mặt tăng 58.000.000 => ghi NỢ TK 111 3. Công ty mua máy móc, thiết bị trị giá 113 triệu bằng tiền mặt; • Máy móc, thiết bị tăng 113.000.000 => ghi NỢ TK 211 • Tiền mặt giảm 113.000.000 => ghi Có TK 111 4. Công ty dùng tiền mặt để trả 50% nợ vay ngắn hạn và đóng thuế • Vay ngắn hạn giảm 25.000.000 => ghi NỢ TK 311 • Thuế giảm 117.000.000 => ghi NỢ TK 347 • Tiền mặt giảm 142.000.000 => ghi Có TK 111 5. Công ty phát hành lô trái phiếu 600 triệu đồng để thanh toán 1/2 nợ dài hạn số còn lại đầu tư mua nhà xưởng máy móc. • Nợ dài hạn tăng 600.000.000 => ghi CÓ TK 341 • Nợ dài hạn giảm 235.500.000 => ghi NỢ TK 341 • Nhà xưởng, máy móc tăng 306.500.000 => ghi NỢ TK 211																														
	- Yêu cầu 2: Vẽ sơ đồ chữ T tài khoản tiền mặt (1đ) Số dư cuối kỳ tiền mặt = Tổng nợ - Tổng có = 43 triệu <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <th colspan="4" style="text-align: center;">111</th> </tr> <tr> <th style="text-align: left;">Nợ</th> <th style="text-align: center;">Tiền mặt</th> <th style="text-align: right;">Có</th> <th></th> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black;">ĐK: 140</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black;">(1) 100</td> <td></td> <td>(3) 113</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black;">(2) 58</td> <td></td> <td>(4) 142</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black;">PS: 158</td> <td></td> <td>PS: 255</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; color: red;">Cộng 298</td> <td></td> <td style="color: red;">Cộng 255</td> <td></td> </tr> </table>	111				Nợ	Tiền mặt	Có		ĐK: 140				(1) 100		(3) 113		(2) 58		(4) 142		PS: 158		PS: 255		Cộng 298		Cộng 255			
111																															
Nợ	Tiền mặt	Có																													
ĐK: 140																															
(1) 100		(3) 113																													
(2) 58		(4) 142																													
PS: 158		PS: 255																													
Cộng 298		Cộng 255																													
	- Yêu cầu 3: Lập lại bảng cân đối kế toán cuối kỳ (1đ)																														

	TÀI SẢN			NGUỒN VỐN				
	Số TK	Tên TK	Giá trị	Số TK	Tên TK	Giá trị		
	Tài sản ngắn hạn		506.0	Nợ ngắn hạn		461		
	111	Tiền mặt	43.0	331	Trả người bán	213		
	131	Phải thu KH	343.0	311	Vay ngắn hạn	25		
	155	Hàng tồn kho	120.0	131	Tạm ứng tiền hàng	223		
	128	Ck đáo hạn	0.0	Nợ dài hạn		835.5		
	Tài sản dài hạn		1595.5	347	Thuế hoãn lại	0		
	211	Nhà xưởng, máy móc	1900.5	341	Nợ dài hạn	835.5		
	214	Khấu hao lũy kế	550.0	Vốn CSH		805		
213	Tài sản vô hình	245.0	411	Cổ phần thường	805			
Tổng tài sản		2101.5	Tổng nguồn vốn		2101.5			
II. Trắc nghiệm						5.0		
Câu 1 – 10	Câu 1: D Câu 2: C Câu 3: C Câu 4: C Câu 5: C Câu 6: C Câu 7: B Câu 8: D Câu 9: D Câu 10: B					2.5	Mỗi câu 0.25 Đ	
Câu 11 – 20	Câu 11: D Câu 12: A Câu 13: A Câu 14: D Câu 15: A Câu 16: C Câu 17: A Câu 18: C Câu 19: D Câu 20: A					2.5	Mỗi câu 0.25 Đ	
	Điểm tổng					10.0		

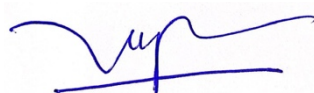
Người duyệt đề



ThS. Trần Ngọc Anh Vũ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Giảng viên ra đề



ThS. Trần Ngọc Anh Vũ